

Bản án số: 54/2017/HSST
Ngày 25/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu;
2. Ông Nguyễn Quang Huy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2017/HSST ngày 06/10/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2017/HSST-QĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn D - sinh năm 1988

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Đặng Văn T, sinh năm 1963; Mẹ đẻ: Phạm Thị Q, sinh năm 1966, Điều trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Vợ: Thân Thị V, sinh năm 1992, Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/6/2005, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 200.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2016, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Anh Hoàng Công T1, sinh năm 1971. (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Kim Sơn, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1964. (có mặt).

Nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trần Văn H, sinh ngày 28/11/2001. (có mặt).

Nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo pháp luật bà Lại Thị Xuân, sinh năm 1972, nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1963. (có mặt).

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Hoàng Công T1, sinh năm 1971, trú tại thôn Kim Sơn, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang làm nghề thu mua quả ớt tươi và chuyên đi thu mua ớt của người dân trên địa bàn xã V, huyện T. Khoảng giữa tháng 5/2016, Đặng Văn D, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (đang thuê và ở tại nhà nghỉ T2 ở thôn C, xã V, huyện T) gọi điện thoại cho anh T1 đặt vấn đề với anh T1 về việc thu mua ớt trên địa bàn xã V. Theo yêu cầu của D thì D sẽ đứng ra thu mua ớt của người dân cho anh T1 hoặc anh T1 trực tiếp đi thu mua ớt của người dân nhưng mỗi kg ớt mua được anh T1 phải trả cho D từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng, nếu anh T1 không đồng ý thì sẽ không được thu mua ớt của người dân trên địa bàn xã V nữa. Anh T1 không đồng ý với yêu cầu của D đưa ra và nói với D là anh T1 sẽ không đến xã V thu mua ớt nữa (Do Trần Văn H, sinh ngày 28/11/2001, trú tại thôn B, xã V, huyện T thường xuyên ở tại nhà nghỉ T2 cùng với D nên H biết được nội dung trên).

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/5/2016, khi D và H đang đứng ở cửa nhà nghỉ T2 thì H nhìn thấy anh Hoàng Công T1 điều khiển xe mô tô phía sau chở bao ớt đi trên đường Tỉnh lộ 295 (theo hướng từ thị trấn Cao Thượng, huyện T đi huyện Hiệp Hòa) đi qua nên H nói cho D biết việc anh T1 vừa chở ớt đi qua. Ngay sau đó, D đi vào quầy lễ tân ở tầng 01 lấy chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu EXCITER, còn H vào trong khu bếp lấy 01 con dao nhọn (chiều dài cả chuôi và lưỡi là 30cm; lưỡi dao bằng kim loại, chỗ rộng nhất là 06cm) rồi cầm dao ở tay chạy ra cửa nhà nghỉ ngồi lên phía sau xe mô tô nhãn hiệu EXCITER do D điều khiển. D điều khiển xe mô tô chở H ngồi phía sau mang theo dao nhọn đuổi theo anh T1 đến thôn T, xã V, huyện T thì đuổi kịp anh T1. D điều khiển xe mô tô áp sát vào xe mô tô của anh T1, H ngồi phía sau dùng dao nhọn mang theo chọc vào bao ớt ở phía sau xe mô tô của

anh T1 làm bao đựng ớt bị rách, ớt chảy ra ngoài. Thấy vậy, anh T1 điều khiển xe vào lề đường bên phải và đỗ trước cửa nhà của gia đình anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1974 ở thôn T, xã V, huyện T và dựng xe mô tô ở đó. D dừng xe lại cạnh xe mô tô của anh T1 và yêu cầu anh T1 phải đi cùng D về nhà nghỉ T2 để nói chuyện. Do sợ hãi nên anh T1 gửi bao ớt tại nhà anh Đ rồi điều khiển xe mô tô đi theo D và H đến nhà nghỉ T2. Khoảng 19 giờ cùng ngày D, H và anh T1 về đến nhà nghỉ T2. Khi về đến nhà nghỉ T2, H cất con dao nhọn vào bàn quầy lễ tân, anh T1 dựng xe mô tô trước cửa nhà nghỉ rồi đi vào bên trong nhà nghỉ ngồi tại bàn uống nước ở tầng 01 để nói chuyện với D. D bảo H dắt xe mô tô của anh T1 vào bên trong nhà nghỉ, đóng cửa và móc khóa cửa lại, H làm theo yêu cầu của D. Lúc này tại nhà nghỉ T2, ngoài D và H còn có một người phụ nữ tên là Linh (theo D khai đây là bạn gái của D nhưng D và H không biết họ, tên đệm, tuổi và địa chỉ) cùng ở đó. D và anh T1 ngồi ở bàn uống nước nói chuyện với nhau với nội dung anh T1 không đồng ý cắt giá ớt cho D, bảo không đến xã V thu mua ớt nữa mà vẫn đến như vậy là anh T1 không tôn trọng D, coi thường D, nên D phạt “vi cảnh” anh T1 mười triệu đồng. Khoảng 15 phút sau có Trần Văn Tuyên - sinh năm 1987, trú tại thôn B, xã V, huyện T đến, H ra mở cửa cho Tuyên vào nhà. Tuyên vào bên trong nhà nghỉ nhưng chưa kịp nói gì với D thì có anh Tống Văn B - sinh năm 1981, trú tại thôn C, xã V, huyện T và một người phụ nữ đến. Thấy anh B đến thì Tuyên đi về. Anh B nói với D để xin cho anh T1, D nói với anh B cứ đi về, không có vấn đề gì nên anh B và người phụ nữ đi về. Sau khi anh B về, H ra đóng cửa nhà nghỉ lại, D và anh T1 ngồi ở bàn uống nước tiếp tục nói chuyện về việc anh T1 nói với D là không đến xã V mua ớt nhưng vẫn đến. Khoảng 05 phút sau, D đứng dậy đi đến phía bàn quầy lấy con dao nhọn (con dao H sử dụng rách bao ớt của anh T1) rồi D đi đến đứng phía sau chỗ anh T1 đang ngồi ở bàn uống nước, tay phải D cầm dao vòng ra phía trước kề dao vào ngực phía bên phải (phần tiếp giáp với cổ) anh T1 và nói “Ông xúc phạm tôi quá, ông coi thường con người tôi, hôm nay tôi phải làm thịt ông”. Anh T1 dùng tay phải đẩy tay cầm dao của D ra và nói: “Thôi cắt dao đi, dao dựa làm gì, có gì chú cháu mình nói chuyện.”. Nghe anh T1 nói vậy, D bỏ dao ra khỏi người anh T1, đi đến ngồi ở sát cạnh bên trái anh T1, lúc này D chuyển dao sang cầm ở tay trái, khuỷu tay trái chống xuống bàn, mũi dao hướng lên phía trên (ở trước mặt anh T1), tay phải D vỗ vào vai trái anh T1 và nói “May mà hôm nay ông vào đây, không ở chỗ khác tôi chém chết ông, ông coi thường con người tôi quá, hôm nay tôi phạt “vi cảnh” ông”. Sau đó, D cầm dao mang ra bàn quầy, cắt dao vào chỗ cũ rồi quay lại bàn uống nước tiếp tục ngồi nói chuyện với anh T1, D nói với anh T1 “Chú thanh toán cho cháu, số tiền từ đầu vụ đến giờ chú chưa thanh toán cho cháu chắc là hơn mười triệu rồi”, D nói là D phạt anh T1 mười triệu đồng. Anh T1 bỏ ví ra lấy tiền đếm và nói với D là anh T1 không mang theo nhiều tiền chỉ có sáu triệu đồng, còn lại anh T1 xin nhưng D không đồng ý. Sau đó, D tiếp tục ngồi ở bàn uống nước nói chuyện với anh T1 về việc anh T1 bảo không đến xã V

mua Ớt nữa nhưng vẫn đến mua như vậy là anh T1 coi thường D, căn cứ vào số lượng Ớt mà anh T1 đã thu mua được trên địa bàn xã V thì số tiền anh T1 phải cắt giá cho D khoảng hơn mười triệu đồng, D yêu cầu anh T1 phải thanh toán cho D mười triệu đồng. Anh T1 tiếp tục xin D và đưa số tiền 6.000.000 đồng cho D nhưng D không cầm tiền nên anh T1 để số tiền 6.000.000 đồng ở trên mặt bàn uống nước. Sau đó, D đi vào phòng nghỉ ở phía trong của nhà nghỉ, còn anh T1 ngồi một mình tại bàn uống nước. Khoảng 05 phút sau, D bảo anh T1 đi về và bảo H ra mở cửa cho anh T1. Sau khi anh T1 về, Linh cầm số tiền anh T1 để trên bàn lên đếm và nói cho D biết việc anh T1 để lại số tiền 6.000.000 đồng. Linh bảo với D cho H 1.000.000 đồng, D đồng ý. Linh lấy 1.000.000 đồng trong số tiền D chiếm đoạt được anh T1 đưa cho H nhưng H không lấy nên Linh đã cầm toàn bộ số tiền 6.000.000 đồng này. Chiều ngày 01/6/2016, D và Linh sử dụng đi mua 01 chiếc máy giặt hết 4.350.000 đồng, số tiền còn lại Linh cầm và sử dụng chi tiêu sinh hoạt chung cho D, Linh và H hết.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tổ chức cho anh Hoàng Công T1, Trần Văn H và Đặng Văn D nhận dạng con dao đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án. Kết quả nhận dạng: anh Hoàng Công T1, Trần Văn H và Đặng Văn D nhận dạng được con dao D đã sử dụng đe dọa anh T1 buộc anh T1 phải đưa tiền cho D chính là con dao chị Trần Thị C mang đến Công an xã V giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ngày 11/11/2016.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Đặng Văn D đã đến gặp và bồi thường khắc phục hậu quả trả cho anh Hoàng Công T1 số tiền 6.000.000 đồng. Đến nay, anh T1 không yêu cầu D phải bồi thường cho anh bất kể một khoản gì khác, đồng thời nghị cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho D.

Tại Bản cáo trạng số 32/KSĐT ngày 17 tháng 7 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Mặc dù tại phiên tòa hôm nay Đặng Văn D, không thừa nhận hành vi kề dao vào cổ anh T1, bị cáo chỉ cầm dao đi lại trong phòng và bị cáo chỉ nhận phạm tội cưỡng đoạt tài sản, không nhận tội cướp tài sản. Nhưng trong quá trình điều tra, tại các bản tự khai do bị cáo tự viết ra; các biên bản ghi lời khai; biên bản hỏi cung bị can thì bị cáo đều thừa nhận có kề dao vào cổ anh T1. Do đó, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không thừa nhận hành vi trên là không có căn cứ. Về tội danh, bị cáo đã sử dụng 01 dao nhọn (loại hung khí nguy hiểm) kề vào cổ anh T1, đe dọa anh T1, buộc anh T1 phải đưa cho bị cáo tiền. Mặt khác, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là ở bên trong nhà nghỉ do bị cáo quản lý, cửa nhà nghỉ đóng và móc khóa bên trong; anh T1 chỉ có một mình, trong khi đó nhóm của bị cáo lại có ba người. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Văn D về tội

“Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra bị cáo đã tác động cho gia đình để bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 điều 133; Điểm b khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn D từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/11/2016. Miễn hình phạt tiền cho bị cáo

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Trần Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu vàng có số IMEL1: 358815071869084, số IMEL2: 358816071869082, trả lại bà Trần Thị C chiếc máy giặt nhãn hiệu AQUA- S80KT cùng 01 Phiếu bảo hành và 01 Hướng dẫn sử dụng máy giặt; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng có số IMEL1: 866517023751155, số IMEL2: 866517023751148, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn có chiều dài cả chuôi và lưỡi là 30cm; lưỡi dao bằng kim loại, chỗ rộng nhất là 06cm; chuôi bằng gỗ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn D tự bào chữa: Không nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, truy tố bị cáo về tội cướp tài sản. Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ cầm dao đi lại trong phòng, bị cáo không kể dao vào cổ anh T1, khi bị cáo cầm dao thì bị cáo không yêu cầu anh T1 phải đưa tiền cho bị cáo mà khi bị cáo cất dao đi thì bị cáo mới yêu cầu anh T1 đưa tiền cho bị cáo. Do đó, bị cáo không phạm tội Cướp tài sản mà chỉ phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để cải tạo và sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Ý kiến của bị cáo không nhất

trí về hành vi kể dao vào cổ anh T1, bị cáo chỉ thừa nhận có cầm dao đi lại trong phòng. Do đó, bị cáo không nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát huyện T đưa ra, bị cáo chỉ thừa nhận có cưỡng đoạt tài sản của anh T1. Hội đồng xét xử thấy, về hành vi kể dao vào cổ anh T1, trong quá trình điều tra tại các bản tự khai do chính tay bị cáo viết bị cáo đều thừa nhận có kể dao vào cổ anh T1, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không thừa nhận hành vi trên là không có căn cứ. Về tội danh, khi bị cáo dùng dao nhọn kể vào cổ của anh Hoàng Công T1 thì bị cáo chưa yêu cầu anh T1 phải đưa tiền. Sau khi cất dao đi và quay lại bàn uống nước thì bị cáo mới yêu cầu anh T1 phải đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng; Diễn biến hành vi của bị cáo kéo dài (khoảng 20 phút), khi bị cáo yêu cầu anh T1 đưa tiền, thì giữa bị cáo với anh T1 còn ngồi nói chuyện khoảng 15 phút sau anh T1 mới mở ví ra đếm tiền và để trên bàn uống nước, bị cáo không trực tiếp cầm tiền và đi vào phòng nghỉ phía trong, anh T1 tiếp tục ngồi ở đó khoảng 10 phút sau, bị cáo bảo anh T1 đi về. Mặt khác, các lời khai của anh T1 đều khẳng định: mình vẫn bình tĩnh để xử lý tình huống và khi bị D kể dao vào cổ thì anh T1 vẫn dùng tay đẩy tay cầm dao của D ra và nói “thôi cất dao đi, dao rựa làm gì”. Do đó, xác định anh T1 có sợ hãi nhưng không đến mức lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Từ các chứng cứ trên, không đủ cơ sở xác định bị cáo D có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó, không đủ căn cứ xác định bị cáo Đặng Văn D phạm tội “Cướp tài sản”, mà chỉ xác định được bị cáo đe dọa sẽ dùng vũ lực uy hiếp tinh thần người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo nhất thời phạm tội. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa hôm nay ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động với gia đình để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài sản, sức khỏe và quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, HĐXX xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, HĐXX cần cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, song

cần bắt bị cáo cách ly với đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân lương thiện.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng thu giữ của Đặng Văn D và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng thu giữ của Trần Văn H là điện thoại của D và H sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại; Đối với chiếc máy giặt nhãn hiệu AQUA- S80KT cùng 01 Phiếu bảo hành và 01 Hướng dẫn sử dụng máy giặt mà bà C giao nộp đây là tài sản của bà C cần trả lại; đối với 01 con dao nhọn có chiều dài cả chuôi và lưỡi là 30cm; lưỡi dao bằng kim loại, chỗ rộng nhất là 06cm; chuôi bằng gỗ là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: ông Đặng Văn T đã bồi thường cho anh Hoàng Công T1 số tiền 6.000.000 đồng. Đến nay, anh T1 không yêu cầu D phải bồi thường cho anh bất kể một khoản tiền gì khác, tại phiên tòa ông T cũng không yêu cầu D phải trả lại số tiền trên nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với Trần Văn H là người cùng với D đuổi theo anh T1 và là người trực tiếp dùng dao rạch bao ốt của anh T1. Tại nhà nghỉ T2, H là người dắt xe mô tô của anh T1 vào trong nhà nghỉ, đóng cửa và mở cửa nhà nghỉ theo yêu cầu của D. H cũng được chứng kiến việc D dùng dao đe dọa buộc anh T1 phải đưa tiền cho D. Do vậy, hành vi của H có vai trò là đồng phạm giúp sức cho D. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, H chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đến nay thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với H đã hết nên Cơ quan Công an không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H.

Đối với người phụ nữ có tên là L, do Đặng Văn D và Trần Văn H không biết họ, tên đệm và địa chỉ, chỉ nhớ được số điện thoại của Linh sử dụng để liên lạc với D là 0981.998.894. Cơ quan điều tra đã ra Lệnh thu giữ điện tín gửi Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel để thu giữ thông tin của chủ thuê bao số điện thoại 0981.998.894. Đến nay thời hạn điều tra đối với vụ án đã hết nhưng Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel chưa có kết quả trả lời nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến người có tên là Linh ra để tiếp tục điều tra, xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231; 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Phạt bị cáo Đặng Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/11/2016.

Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn có chiều dài cả chuôi và lưỡi là 30cm; lưỡi dao bằng kim loại, chỗ rộng nhất là 06cm; chuôi bằng gỗ.

Trả lại cho anh Trần Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu vàng có số IMEL1: 358815071869084, số IMEL2: 358816071869082, trả lại bà Trần Thị C chiếc máy giặt nhãn hiệu AQUA- S80KT cùng 01 Phiếu bảo hành và 01 Hướng dẫn sử dụng máy giặt.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng có số IMEL1: 866517023751155, số IMEL2: 866517023751148, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

Buri Tư Duy